



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0300521758

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Ông Lê Trí Thông
Bà Trần Phương Ngọc Thảo

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(từ ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ông Đào Trung Kiên
Bà Đặng Thị Lại
Ông Đặng Hải Anh

Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Bà Huỳnh Thị Xuân Liên

Thành viên
(đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ông Lê Quang Phúc
Bà Tiêu Yến Trinh
Ông Nguyễn Tuấn Hải

Thành viên Độc lập
Thành viên Độc lập
Thành viên Độc lập

Ủy ban Kiểm toán

Ông Lê Quang Phúc
Ông Nguyễn Tuấn Hải
Bà Huỳnh Thị Xuân Liên

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Đại diện theo Pháp luật

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Ông Lê Trí Thông

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Điều hành	Ông Lê Trí Thông	Tổng Giám đốc Kiêm quản lý và điều hành khối Chiến lược (từ ngày 6 tháng 2 năm 2023) Kiêm quản lý và điều hành khối Khách hàng và Bán lẻ (đến ngày 1 tháng 1 năm 2024)
	Bà Đặng Thị Lại	Giám đốc Cao cấp - Tài chính (từ ngày 6 tháng 2 năm 2023)
	Ông Nguyễn Ngọc Văn Quân	Giám đốc Cao cấp - Cung ứng (từ ngày 16 tháng 2 năm 2023) Quyền Giám đốc khối Cung ứng (đến ngày 16 tháng 2 năm 2023)
	Ông Đào Trung Kiên	Giám đốc Cao cấp - Vận hành (từ ngày 6 tháng 2 năm 2023) Giám đốc khối Chiến lược (đến ngày 6 tháng 2 năm 2023)
	Ông Đặng Hải Anh	Giám đốc Cao cấp - Công nghệ Thông tin
	Ông Nguyễn Khoa Hồng Thành	Giám đốc Cao cấp - Marketing (từ ngày 26 tháng 3 năm 2023)
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Giám đốc Cao cấp - Nguồn nhân lực (từ ngày 19 tháng 9 năm 2023)
	Bà Trương Hoài Anh	Giám đốc Cao cấp - Khách hàng và Bán lẻ (từ ngày 2 tháng 1 năm 2024)
	Ông Nguyễn Anh Hùng	Giám đốc khối Nguồn nhân lực (đến ngày 1 tháng 5 năm 2023)
	Ông Dương Quang Hải	Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký Số 170E, Đường Phan Đăng Lưu
Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Thay mặt Ban Điều hành
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ
PHÚ NHUẬN

Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông** **Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 23-01-00408-24-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.958.118.192.260	11.966.357.761.798
Tiền	110	5	896.147.917.336	879.548.130.711
Tiền	111		896.147.917.336	879.548.130.711
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		810.100.000.000	200.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	810.100.000.000	200.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.035.937.840	300.880.402.245
Phải thu của khách hàng	131	7	69.277.567.110	56.532.707.659
Trả trước cho người bán	132	8	27.775.617.785	68.902.837.213
Phải thu về cho vay	135	9	90.000.000.000	140.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	32.980.198.226	37.641.170.145
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(5.049.680.837)	(2.862.909.308)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		52.235.556	666.596.536
Hàng tồn kho	140	11	10.940.937.959.289	10.506.054.932.284
Hàng tồn kho	141		10.944.749.006.797	10.508.065.026.916
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.811.047.508)	(2.010.094.632)
Tài sản ngắn hạn khác	150		95.896.377.795	79.874.296.558
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	94.051.248.427	74.007.356.286
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.845.129.368	5.866.940.272

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.469.439.823.096	1.370.766.887.448
Các khoản phải thu dài hạn	210		104.636.239.106	93.956.493.011
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	104.636.239.106	93.956.493.011
Tài sản cố định	220		882.715.109.732	882.432.821.075
Tài sản cố định hữu hình	221	13	256.373.758.673	239.734.551.747
Nguyên giá	222		747.570.855.214	672.781.337.441
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(491.197.096.541)	(433.046.785.694)
Tài sản cố định vô hình	227	14	626.341.351.059	642.698.269.328
Nguyên giá	228		708.071.904.553	707.010.800.099
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.730.553.494)	(64.312.530.771)
Tài sản dở dang dài hạn	240		29.100.048.410	30.826.629.189
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	29.100.048.410	30.826.629.189
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	3.980.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		399.251.613.400	395.271.613.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(395.271.613.400)	(395.271.613.400)
Tài sản dài hạn khác	260		449.008.425.848	363.550.944.173
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	329.182.091.504	243.656.590.750
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	119.826.334.344	119.894.353.423
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.427.558.015.356	13.337.124.649.246

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.621.377.351.380	4.893.029.994.396
Nợ ngắn hạn	310		4.611.956.609.380	4.883.064.421.396
Phải trả người bán	311	17	257.304.950.807	277.212.839.495
Người mua trả tiền trước	312	18	215.299.493.413	222.164.283.405
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	344.258.054.659	292.985.361.927
Phải trả người lao động	314		673.116.492.808	534.807.250.396
Chi phí phải trả	315	20	307.718.428.978	453.432.735.944
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	228.798.913.738	227.169.093.119
Vay ngắn hạn	320	22	2.384.288.254.693	2.683.045.875.772
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23(a)	29.061.192.534	30.129.306.488
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	172.110.827.750	162.117.674.850
Nợ dài hạn	330		9.420.742.000	9.965.573.000
Phải trả dài hạn khác	337		218.668.000	218.668.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23(b)	9.202.074.000	9.746.905.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.806.180.663.976	8.444.094.654.850
Vốn chủ sở hữu	410	25	9.806.180.663.976	8.444.094.654.850
Vốn cổ phần	411	26	3.281.691.880.000	2.461.716.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	1.851.376.032.458	2.251.376.032.458
Cổ phiếu quỹ	415	26	(3.384.090.000)	(3.384.090.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	1.936.397.556.918	1.212.120.556.918
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		2.740.099.284.600	2.522.265.955.474
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		769.000.107.465	859.175.348.677
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.971.099.177.135	1.663.090.606.797
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.427.558.015.356	13.337.124.649.246

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Nguyễn Thành Đạt
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Dương Quang Hải
 Kế toán Trưởng


 Lê Trí Thông
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	33.481.608.954.953	34.211.128.942.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	344.679.758.524	334.674.383.087
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	33.136.929.196.429	33.876.454.559.153
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	27.078.338.249.235	27.949.348.024.381
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.058.590.947.194	5.927.106.534.772
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	97.825.547.538	54.036.974.170
Chi phí tài chính	22	31	142.580.680.640	141.471.203.463
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>118.568.804.103</i>	<i>94.143.431.408</i>
Chi phí bán hàng	25	32	2.835.769.469.802	2.828.208.644.376
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	693.934.934.718	673.996.996.684
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.484.131.409.572	2.337.466.664.419
Thu nhập khác	31		11.846.230.257	8.582.642.521
Chi phí khác	32		7.217.637.455	33.721.752.227
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.628.592.802	(25.139.109.706)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.488.760.002.374	2.312.327.554.713
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	517.592.806.160	521.061.271.124
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	68.019.079	(19.425.559.808)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.971.099.177.135	1.810.691.843.397

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.971.099.177.135	1.810.691.843.397
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.971.099.177.135	1.810.691.843.397
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	5.436	5.350

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Nguyễn Thành Đạt
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Dương Quang Hải
 Kế toán Trưởng


 Lê Trí Thông
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.488.760.002.374	2.312.327.554.713
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	81.257.091.304	79.516.376.971
Các khoản dự phòng	03	2.374.779.451	2.868.205.863
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.611.805.757)	(8.239.903.282)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(79.561.268.312)	(21.327.686.776)
Chi phí lãi vay	06	118.568.804.103	94.421.152.974
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.609.787.603.163	2.459.565.700.463
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	39.100.711.762	(52.151.674.870)
Biến động hàng tồn kho	10	(436.683.979.881)	(1.753.323.314.557)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	92.449.328.770	76.506.711.125
Biến động chi phí trả trước	12	(103.556.391.934)	(59.503.878.567)
		2.201.097.271.880	671.093.543.594
Tiền lãi vay đã trả	14	(122.841.644.646)	(90.657.750.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(466.349.274.224)	(464.338.080.937)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(104.164.881.917)	(15.516.505.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	1.507.741.471.093	100.581.206.696
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(83.115.434.103)	(52.384.601.566)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.289.295.529	1.498.185.785
Tiền chi gửi ngân hàng và cho vay	23	(2.240.100.000.000)	(540.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng và cho vay	24	1.680.000.000.000	200.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(3.980.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	27	66.432.820.820	20.219.137.155
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(578.473.317.754)	(370.667.278.626)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.447.231.530.000
Tiền thu từ đi vay	33	8.159.472.964.689	6.261.254.967.206
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.458.230.585.768)	(6.300.139.792.578)
Tiền chi trả cổ tức	36	(615.443.389.700)	(616.671.158.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(914.201.010.779)	791.675.546.288
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	15.067.142.560	521.589.474.358
Tiền đầu năm	60	879.548.130.711	355.454.838.957
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	1.532.644.065	2.503.817.396
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	896.147.917.336	879.548.130.711

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Nguyễn Thành Đạt
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Dương Quang Hải
 Kế toán Trưởng



 Lê Trí Thông
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “PNJ”.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý; xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2023: 3 công ty con sở hữu trực tiếp). Thông tin về các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2023	1/1/2023
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Kinh doanh trang sức, phụ kiện	170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Tư vấn và giám định vàng, bạc và đá quý	302 - 304 Phan Xích Long, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Chế tác và Kinh doanh Trang sức PNJ	Chế tác và kinh doanh trang sức	Số 23, Đường số 14, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 57 chi nhánh trên toàn quốc (1/1/2023: 57 chi nhánh).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 7.672 nhân viên (1/1/2023: 7.199 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản có gốc bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 năm đến 5 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(ii) Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng

Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê trong khoảng thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ trên 1 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty và các công ty con từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(n) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, từ các khoản phải thu về cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/khu vực địa lý.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý. Hoạt động khác là kinh doanh phụ kiện, cung cấp dịch vụ giám định, dịch vụ cho thuê và bảo hành sản phẩm. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động của Tập đoàn, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	240.746.288.133	404.784.773.480
Tiền gửi ngân hàng	558.964.417.558	428.429.733.705
Tiền đang chuyển	96.437.211.645	46.333.623.526
	896.147.917.336	879.548.130.711
	896.147.917.336	879.548.130.711

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại:</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển		
– Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	410.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	200.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	150.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	50.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam		
– Chi nhánh Kỳ Đồng	100.000.000	-
	810.100.000.000	200.000.000.000
	810.100.000.000	200.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,4% đến 7,1% (1/1/2023: 6,5%).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2023		% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2023	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Người Bạn Vàng	398.000	19,9%	3.980.000.000	-	0,00%	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (*)	38.496.250	7,69%	395.271.613.400	(395.271.613.400)	7,69%	395.271.613.400	(395.271.613.400)
			<u>399.251.613.400</u>	<u>(395.271.613.400)</u>		<u>395.271.613.400</u>	<u>(395.271.613.400)</u>

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	395.271.613.400	395.271.613.400
Tăng trong năm	3.980.000.000	-
	399.251.613.400	395.271.613.400
Số dư cuối năm	399.251.613.400	395.271.613.400

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á vẫn nằm trong diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cổ phiếu của Ngân hàng này không được phép chuyển nhượng. Ban Điều hành Tập đoàn đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	7.988.832.041	8.249.435.172
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Bình Tân	6.203.684.363	7.549.704.598
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Tân Phú	6.113.728.778	7.799.727.008
Các khách hàng khác	48.971.321.928	32.933.840.881
	69.277.567.110	56.532.707.659
	69.277.567.110	56.532.707.659

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh	-	265.600.000
	-	265.600.000
	-	265.600.000

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Quảng Cáo Saigon Art	3.478.496.040	-
Omega Art S.R.L	5.023.394	9.532.828.735
Untung Bersama Sejahtera PT	-	15.497.793.920
Các nhà cung cấp khác	24.292.098.351	43.872.214.558
	27.775.617.785	68.902.837.213

(b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh	-	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Không Gian Vàng	-	84.092.727
	-	134.092.727

9. Phải thu về cho vay

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Người Bạn Vàng	90.000.000.000	140.000.000.000
	90.000.000.000	140.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi cho vay sẽ được thu vào cuối mỗi tháng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	12.128.785.923	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.264.414.680	4.092.287.274
Công đoàn của Công ty và các công ty con	-	11.662.100.000
Phải thu khác	16.586.997.623	21.886.782.871
	32.980.198.226	37.641.170.145

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đặt cọc, ký quỹ thuê cửa hàng	104.636.239.106	93.956.493.011

Phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đặt cọc, ký quỹ đảm bảo thuê cửa hàng sẽ được hoàn trả vào cuối thời hạn thuê.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.336.881.052.967	-	993.959.155.489	-
Công cụ và dụng cụ	39.140.960.355	-	51.100.087.913	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	182.116.093.085	-	207.969.940.730	-
Thành phẩm	7.079.496.646.224	-	7.215.980.192.888	-
Hàng hóa	2.307.114.254.166	(3.811.047.508)	2.039.055.649.896	(2.010.094.632)
	10.944.749.006.797	(3.811.047.508)	10.508.065.026.916	(2.010.094.632)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 3.990.000.000.000 VND (1/1/2023: 4.167.800.000.000 VND) được thế chấp tại các ngân hàng thương mại để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.010.094.632	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	1.800.952.876	2.010.094.632
	3.811.047.508	2.010.094.632
Số dư cuối năm	3.811.047.508	2.010.094.632

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 10.022.323.229 VND (1/1/2023: 6.931.360.800 VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động	47.522.730.317	35.846.009.519
Chi phí công nghệ thông tin	15.684.661.599	13.772.510.956
Chi phí sửa chữa, bảo trì	11.995.398.104	3.926.289.430
Công cụ và dụng cụ	11.700.207.423	15.226.271.179
Khác	7.148.250.984	5.236.275.202
	94.051.248.427	74.007.356.286
	94.051.248.427	74.007.356.286

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	167.629.342.406	117.607.382.963
Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	153.000.846.149	110.061.249.509
Chi phí thuê hoạt động	1.330.382.904	4.693.940.300
Khác	7.221.520.045	11.294.017.978
	329.182.091.504	243.656.590.750
	329.182.091.504	243.656.590.750

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	156.288.864.503	344.966.454.465	50.791.046.180	120.734.972.293	672.781.337.441
Tăng trong năm	1.364.386.870	56.991.206.086	10.158.853.800	11.541.058.518	80.055.505.274
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.712.404.193	-	-	1.712.404.193
Thanh lý	-	(2.076.236.033)	(2.371.579.190)	(2.530.576.471)	(6.978.391.694)
Số dư cuối năm	157.653.251.373	401.593.828.711	58.578.320.790	129.745.454.340	747.570.855.214
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	68.123.475.517	248.299.809.940	31.259.153.396	85.364.346.841	433.046.785.694
Khấu hao trong năm	8.562.095.718	36.622.850.344	5.850.658.498	12.803.464.021	63.839.068.581
Thanh lý	-	(1.432.819.604)	(2.371.579.190)	(1.884.358.940)	(5.688.757.734)
Số dư cuối năm	76.685.571.235	283.489.840.680	34.738.232.704	96.283.451.922	491.197.096.541
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	88.165.388.986	96.666.644.525	19.531.892.784	35.370.625.452	239.734.551.747
Số dư cuối năm	80.967.680.138	118.103.988.031	23.840.088.086	33.462.002.418	256.373.758.673

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 269.699.973.808 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 208.749.061.619 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với nguyên giá là 82.089.986.082 VND (1/1/2023: 82.089.986.082 VND) được thế chấp tại các ngân hàng thương mại để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	557.784.111.372	149.226.688.727	707.010.800.099
Tăng trong năm	34.118.796	1.026.985.658	1.061.104.454
Số dư cuối năm	557.818.230.168	150.253.674.385	708.071.904.553
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	64.312.530.771	64.312.530.771
Khấu hao trong năm	-	17.418.022.723	17.418.022.723
Số dư cuối năm	-	81.730.553.494	81.730.553.494
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	557.784.111.372	84.914.157.956	642.698.269.328
Số dư cuối năm	557.818.230.168	68.523.120.891	626.341.351.059

(*) Bao gồm trong quyền sử dụng đất là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 52A-52B Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, số 195 Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và số 174 Đường Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị ghi sổ là 63.592.666.838 VND đang được lưu giữ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 6.982.250.583 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 6.982.250.583 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	30.826.629.189	30.795.369.850
Tăng trong năm	1.998.824.375	4.030.932.699
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(3.895.673.360)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.712.404.193)	(104.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.013.000.961)	-
Số dư cuối năm	29.100.048.410	30.826.629.189

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Quyền sử dụng đất tại Dĩ An - Bình Dương (*)	26.137.767.250	26.137.767.250
Khác	2.962.281.160	4.688.861.939
	29.100.048.410	30.826.629.189

(*) Tập đoàn đã thanh toán cho quyền sử dụng đất tại Khu phố Bình Minh 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 10 năm 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được hoàn tất, và Tập đoàn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	79.054.322.681	79.054.322.681
Trích trước giảm giá hàng tồn kho đem đi xử lý	20%	16.288.988.251	16.110.617.292
Chi phí phải trả	20%	16.876.526.905	16.800.327.952
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	20%	5.812.238.507	6.025.861.298
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.794.258.000	1.903.224.200
		119.826.334.344	119.894.353.423

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Finesse Impex Limited	62.986.047.881	98.320.888.917
Jewel Star Diamond Co., Ltd	22.019.758.200	-
Forte Jewellery (HK) Co., Ltd	20.020.495.242	55.143.909.736
Các nhà cung cấp khác	152.278.649.484	123.748.040.842
	257.304.950.807	277.212.839.495

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Không Gian Vàng	2.031.772.749	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngôi nhà Sài Gòn	-	25.492.500

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan này không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thanh toán khi có yêu cầu.

18. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn phản ánh số tiền nhận trước từ các bên thứ ba, liên quan đến phiếu quà tặng chưa được sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các phiếu quà tặng có thời hạn sử dụng không quá một năm kể từ ngày phát hành.

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	38.390.997.769	749.087.099.281	(780.405.646.058)	7.072.450.992
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.315.151.898	527.720.746.409	(466.349.274.224)	302.686.624.083
Thuế thu nhập cá nhân	8.706.023.120	184.127.090.160	(163.828.624.593)	29.004.488.687
Thuế khác	4.573.189.140	9.243.012.023	(8.321.710.266)	5.494.490.897
	292.985.361.927	1.470.177.947.873	(1.418.905.255.141)	344.258.054.659

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND (Phân loại lại)
Chi phí lương, lương hiệu suất	200.000.000.000	354.902.558.728
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	76.737.071.505	64.013.894.164
Chi phí lãi vay	2.102.369.369	6.375.209.912
Phải trả khác	28.878.988.104	28.141.073.140
	307.718.428.978	453.432.735.944

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền thu được từ phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) năm 2023	130.745.840.000	-
Quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành (*)	36.683.186.925	11.418.221.742
Nguyên vật liệu nhận để gia công	8.015.185.881	17.136.919.621
Cổ tức phải trả	5.432.318.407	161.676.227.507
Chi phí bảo hiểm và kinh phí Công đoàn	5.284.453.538	5.492.310.230
Thuế thu nhập cá nhân nộp thay cho các cổ đông	4.531.133.392	4.531.133.392
Phải trả khác	38.106.795.595	26.914.280.627
	228.798.913.738	227.169.093.119

Các khoản phải trả khác cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thanh toán khi có yêu cầu.

(*) Biến động trong năm của Quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	11.418.221.742	10.084.181.002
Trích lập trong năm (Thuyết minh 25)	48.888.000.000	12.348.000.000
Sử dụng trong năm	(23.623.034.817)	(11.013.959.260)
	36.683.186.925	11.418.221.742

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay từ cá nhân (i)	32.431.978.659	21.695.905.713	(50.387.070.862)	3.740.813.510	
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (ii)	2.650.613.897.113	8.137.777.058.976	(8.407.843.514.906)	2.380.547.441.183	
	2.683.045.875.772	8.159.472.964.689	(8.458.230.585.768)	2.384.288.254.693	

(i) Khoản vay cá nhân thể hiện các khoản vay tín chấp từ người lao động của Tập đoàn. Các khoản vay này có thời hạn vay là 12 tháng và chịu lãi suất năm từ 6,0% đến 7,4% (1/1/2023: 6,0% - 7,4%).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo				
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	3,8%	156.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Long An	VND	4,0%	103.471.913.750	-
Ngân hàng The Siam Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	4,0%	99.925.643.880	213.298.725.800
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Shinhan Việt Nam	VND	3,5%	88.583.648.576	-
Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	4,0%	22.603.434.900	108.000.000.000
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (*)				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,0%	577.647.099.638	739.188.711.128
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,0%	544.224.108.986	723.362.916.970
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn	VND	4,0%	334.500.000.000	358.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	VND	3,8%	313.024.720.165	368.732.594.015
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	VND	4,0%	140.566.871.288	-
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	6,0%	-	50.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Woori Việt Nam	VND	5,2%	-	90.030.949.200
			2.380.547.441.183	2.650.613.897.113

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay ngân hàng này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 3.990.000.000.000 VND (1/1/2023: 4.167.800.000.000 VND) (Thuyết minh 11) và tài sản cố định hữu hình với nguyên giá là 82.089.986.082 VND (1/1/2023: 82.089.986.082 VND) (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Dự phòng phải trả

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa có thể phải trả trong vòng một đến sáu tháng sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh số dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho cán bộ công nhân viên được xác định theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(l(ii)).

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	162.117.674.850	126.182.180.160
Trích lập trong năm (Thuyết minh 25)	90.535.000.000	51.452.000.000
Sử dụng trong năm	(80.541.847.100)	(15.516.505.310)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	172.110.827.750	162.117.674.850

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.276.123.620.000	991.261.882.458	(4.908.890.000)	800.503.556.918	1.949.653.810.877	6.012.633.980.253
Tăng vốn điều lệ	150.000.000.000	1.260.946.550.000	-	-	-	1.410.946.550.000
Giảm vốn điều lệ	(762.400.000)	(797.400.000)	1.524.800.000	-	-	(35.000.000)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	36.354.980.000	(35.000.000)	-	-	-	36.319.980.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.810.691.843.397	1.810.691.843.397
Cổ tức (ii)	-	-	-	-	(762.662.698.800)	(762.662.698.800)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii) (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(51.452.000.000)	(51.452.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (iii)	-	-	-	411.617.000.000	(411.617.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành (iii) (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(12.348.000.000)	(12.348.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.461.716.200.000	2.251.376.032.458	(3.384.090.000)	1.212.120.556.918	2.522.265.955.474	8.444.094.654.850
Tăng vốn điều lệ (i)	819.975.680.000	(400.000.000.000)	-	-	(419.975.680.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.971.099.177.135	1.971.099.177.135
Cổ tức (ii)	-	-	-	-	(459.199.480.600)	(459.199.480.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii) (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(90.535.000.000)	(90.535.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (iii)	-	-	-	724.277.000.000	(724.277.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành (iii) (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(48.888.000.000)	(48.888.000.000)
Khác (iv)	-	-	-	-	(10.390.687.409)	(10.390.687.409)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.281.691.880.000	1.851.376.032.458	(3.384.090.000)	1.936.397.556.918	2.740.099.284.600	9.806.180.663.976

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn ngày 16 tháng 4 năm 2022 đã thông qua phương án phát hành và Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tập đoàn ngày 12 tháng 1 năm 2023 đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho các cổ đông của Tập đoàn từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ thực hiện là 3:1, tương ứng với 82.000.687 cổ phiếu. Trong đó, số cổ phiếu đã phát hành thêm là 81.997.568 cổ phiếu với tổng mệnh giá là 819.975.680.000 VND, số cổ phiếu lẻ là 3.119 cổ phiếu đã bị hủy bỏ theo phương án phát hành.
- (ii) Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn ngày 27 tháng 4 năm 2023 đã thông qua phương án, Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tập đoàn ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tập đoàn ngày 10 tháng 10 năm 2023 đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông của Tập đoàn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 là 459.199.480.600 VND (2022: 762.662.698.800 VND).
- (iii) Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn ngày 27 tháng 4 năm 2023 đã thông qua phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 như sau:
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 724.277.000.000 VND (2022: 411.617.000.000 VND);
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 90.535.000.000 VND (2022: 51.452.000.000); và
 - Trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành: 48.888.000.000 VND (2022: 12.348.000.000 VND).
- (iv) Tập đoàn nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân theo Quyết định số 1338/QĐ-TCT ngày 5 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục Thuế.

26. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	328.169.188	3.281.691.880.000	246.171.620	2.461.716.200.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	169.559	3.384.090.000	169.559	3.384.090.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.999.629	3.279.996.290.000	246.002.061	2.460.020.610.000
Thặng dư vốn cổ phần		1.851.376.032.458		2.251.376.032.458

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm				
– hiện đang lưu hành	246.002.061	2.460.020.610.000	227.366.563	2.273.665.630.000
Cổ phiếu mới phát hành	81.997.568	819.975.680.000	18.635.498	186.354.980.000
Số dư cuối năm	327.999.629	3.279.996.290.000	246.002.061	2.460.020.610.000
– hiện đang lưu hành				

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	154.885	3.731.570.015	806.937	18.892.483.641
EUR	3.614	95.307.523	3.653	89.533.507
GBP	1.625	45.399.526	1.625	45.399.526
AUD	854	13.859.724	919	14.625.767
SGD	174	3.002.840	174	3.002.840
HKD	970	2.883.585	970	2.883.585

(b) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	317.134.312.195	290.334.960.066
Trong vòng hai đến năm năm	976.905.335.151	889.184.740.169
Sau năm năm	429.694.612.191	381.430.438.377
	1.723.734.259.537	1.560.950.138.612

Các hợp đồng thuê của Tập đoàn liên quan đến việc thuê cửa hàng không hủy ngang. Các hợp đồng thuê có thời hạn thuê ban đầu từ 1 tháng đến 15 năm, với lựa chọn gia hạn hợp đồng thuê sau ngày kết thúc hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023	2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán vàng, bạc, đá quý và đồ trang sức	33.348.659.223.161	34.023.892.071.468
▪ Doanh thu bán phụ kiện	71.543.206.059	130.958.118.605
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.406.525.733	56.278.752.167
	33.481.608.954.953	34.211.128.942.240
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	344.679.758.524	334.674.383.087
Doanh thu thuần	33.136.929.196.429	33.876.454.559.153

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023	2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và dịch vụ cung cấp	27.005.589.756.309	27.863.719.121.239
▪ Giá vốn phụ kiện	58.339.412.647	71.382.174.659
▪ Giá vốn dịch vụ giám định	12.608.127.403	12.236.633.851
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	1.800.952.876	2.010.094.632
	27.078.338.249.235	27.949.348.024.381

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	78.561.606.743	20.219.137.155
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	17.652.135.038	25.577.933.733
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.611.805.757	8.239.903.282
	97.825.547.538	54.036.974.170

31. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	118.568.804.103	94.143.431.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.905.772.415	36.827.964.149
Khác	16.106.104.122	10.499.807.906
	142.580.680.640	141.471.203.463

32. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	1.572.636.131.525	1.747.899.283.895
Chi phí thuê cửa hàng	392.654.780.883	313.984.329.086
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	256.682.753.650	233.616.338.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.414.303.188	180.465.083.327
Chi phí công cụ, dụng cụ	184.639.928.159	158.050.197.251
Chi phí hoa hồng	52.965.924.329	40.767.985.896
Chi phí khấu hao	21.514.611.498	20.587.525.036
Chi phí khác	145.261.036.570	132.837.901.453
	2.835.769.469.802	2.828.208.644.376

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	454.539.695.004	489.342.777.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.559.213.732	110.109.648.564
Chi phí khấu hao	33.208.049.432	30.198.442.003
Chi phí tổ chức sự kiện	18.603.087.053	15.112.959.484
Chi phí công tác	15.052.044.443	9.615.221.212
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.208.868.022	10.160.012.839
Thuê, phí và lệ phí	2.456.525.617	1.315.416.928
Dự phòng phải thu khó đòi	2.186.771.529	1.706.943.481
Chi phí khác	17.120.679.886	6.435.575.058
	<hr/>	<hr/>
	693.934.934.718	673.996.996.684
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí hàng hóa và nguyên vật liệu	26.551.426.167.940	27.388.872.084.611
Chi phí nhân viên và nhân công	2.371.001.344.392	2.570.949.066.842
Chi phí thuê cửa hàng và văn phòng	403.064.998.740	357.346.696.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	402.223.975.412	362.911.610.033
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	256.682.753.650	233.616.338.432
Chi phí công cụ, dụng cụ	235.366.874.624	201.221.669.493
Chi phí khấu hao	81.257.091.304	79.516.376.971
Chi phí hoa hồng	52.965.924.329	40.767.985.896
Dự phòng phải thu khó đòi	2.186.771.529	1.706.943.481
Chi phí khác	251.866.751.835	214.644.893.249
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	517.592.806.160	520.251.344.444
Dự phòng thiếu những năm trước	-	809.926.680
	<hr/> 517.592.806.160	<hr/> 521.061.271.124
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	68.019.079	(19.425.559.808)
	<hr/> 517.660.825.239	<hr/> 501.635.711.316

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.488.760.002.374	2.312.327.554.713
	<hr/> 497.752.000.475	<hr/> 462.465.510.943
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	497.752.000.475	462.465.510.943
Lỗ tính thuế đã sử dụng của công ty con	(4.810.650.917)	(6.168.191.643)
Dự phòng thiếu những năm trước	-	809.926.680
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.104.778.703	12.819.907.213
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	20.614.696.978	31.708.558.123
	<hr/> 517.660.825.239	<hr/> 501.635.711.316

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại) (**)
Lợi nhuận thuần trong năm	1.971.099.177.135	1.810.691.843.397
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(187.976.942.399)	(139.423.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.783.094.374.736	1.671.268.843.397

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2023 Cổ phiếu	2022 Cổ phiếu (Điều chỉnh lại) (**)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	327.999.629	227.366.563
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm	-	75.785.972
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới trong năm	-	9.227.876
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	327.999.629	312.380.411

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại) (**)	2022 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.436	5.350	5.223

(**) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số thực trích của quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2023	2022
	VND	VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Không Gian Vàng		
Mua tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	8.799.091.882	6.576.578.942
Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Quốc tế An Phú		
Mua dịch vụ	2.228.835.000	2.154.235.000
Công ty Cổ phần Kết nối Nhân tài		
Mua dịch vụ	1.112.897.400	-
Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh		
Doanh thu bán hàng hóa	-	265.600.000
Mua hàng hóa	74.000.000	184.500.000
Tài trợ	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngôi nhà Sài Gòn		
Doanh thu bán hàng hóa	-	25.880.800
Mua hàng hóa	-	4.428.768.000
Hội Nữ Doanh nhân Thành phố Hồ Chí Minh		
Mua hàng hóa	174.500.000	2.256.400.000
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp Xã hội Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam		
Mua dịch vụ	47.190.000	464.670.000
Hiệp Hội Kinh doanh Vàng		
Mua dịch vụ	30.618.000	-
Quỹ Niềm tin Vàng		
Góp từ thiện	5.000.000.000	-
Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao Thành phố Hồ Chí Minh		
Mua dịch vụ	66.000.000	221.000.000
Công ty TNHH Sơn Kansai-Alphanam		
Doanh thu bán hàng hóa	11.220.000	-

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2023	2022
	VND	VND
Thành viên quản lý chủ chốt (*)		
Tổng thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt - bình quân/tháng	3.462.000.000	2.645.934.607

(*) Trong thù lao trả cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản lương và thù lao cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Vị trí	2023	2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Lương, thù lao - bình quân/tháng</i>			
Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch	735.000.000	630.000.000
Ông Lê Trí Thông	Phó Chủ tịch	150.000.000	60.333.333
Bà Trần Phương Ngọc Thảo	Phó Chủ tịch	390.000.000	280.000.000
Ông Đào Trung Kiên	Thành viên	109.000.000	30.166.667
Bà Đặng Thị Lại	Thành viên	113.000.000	37.708.333
Ông Đặng Hải Anh (từ ngày 27 tháng 4 năm 2023)	Thành viên	100.000.000	-
Bà Huỳnh Thị Xuân Liên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	Thành viên	223.000.000	200.000.000
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên Độc lập	323.000.000	263.291.667
Bà Tiêu Yến Trinh	Thành viên Độc lập	246.000.000	185.583.333
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên Độc lập	240.000.000	200.666.667
Ban Điều hành			
<i>Lương, thù lao - bình quân/tháng</i>			
Ông Lê Trí Thông	Tổng Giám đốc	572.000.000	530.000.000
Thành viên quản lý khác	Giám đốc Cao cấp	261.000.000	228.184.607

38. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2023	2022
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	856.481.481	728.000.000
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	363.888.889	360.000.000
	1.220.370.370	1.088.000.000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Một số thông tin so sánh dưới đây đã được trình bày lại phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2023 (Theo báo cáo trước đây) VND	(Số phân loại lại) VND	1/1/2023 (Phân loại lại) VND
Phải trả người lao động	889.709.809.124	(354.902.558.728)	534.807.250.396
Chi phí phải trả	98.530.177.216	354.902.558.728	453.432.735.944

40. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”)

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2023 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”). Ngày 19 tháng 1 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành ESOP của Công ty. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 6.559.992 cổ phần mới tương ứng với tổng mệnh giá là 65.599.920.000 VND. Ngày 30 tháng 1 năm 2024, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 36 liên quan đến việc tăng vốn cổ phần từ đợt phát hành này.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024


Người lập:


Nguyễn Thành Đạt
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


Dương Quang Hải
Kế toán Trưởng




Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc



